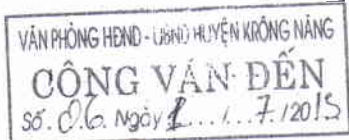


Số: 1351 /QĐ-BGTVT

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2013



QUYẾT ĐỊNH

V/v: Phê duyệt thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 29 đoạn qua địa phận tỉnh Đắk Lắk

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Nghị định số 107/2012/NĐ-CP ngày 20/12/2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ GTVT;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình và được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15/10/2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14/12/2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Nghị định số 15/2013/NĐ-CP ngày 6/2/2013 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình;

Căn cứ Quyết định số 1000/QĐ-BGTVT ngày 07/5/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc cho phép lập Dự án đầu tư cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 29 đoạn qua địa phận tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 2473/QĐ-BGTVT ngày 09/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt đề cương và dự toán kinh phí khảo sát, lập dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 29 đoạn qua địa phận tỉnh Đắk Lắk;

Căn cứ Quyết định số 203/QĐ-BGTVT ngày 22/01/2013 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc phê duyệt danh mục tiêu chuẩn áp dụng cho dự án đầu tư xây dựng công trình Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 29 đoạn qua địa phận tỉnh Đắk Lắk;

Xét đề nghị của Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk tại Tờ trình lần 1 số 1034/TTr-SGTVT ngày 27/11/2012, tờ trình lần 2 số 359/TTr-SGTVT ngày 07/05/2013 về việc thẩm định, phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình: Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 29 đoạn qua tỉnh Đắk Lắk và công văn số 358/SGTVT – QLDA ngày 07/05/2013 về việc giải trình ý kiến của các cơ quan tham mưu thuộc Bộ GTVT về dự án Cải tạo, nâng cấp QL29 đoạn qua địa phận tỉnh Đắk Lắk (Km109+790 - Km178+062);

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch đầu tư tại Báo cáo thẩm định số: 543 /KHĐT, ngày 20/5 /2013;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt thiết kế cơ sở dự án đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 29 đoạn qua địa phận tỉnh Đắk Lắk với các nội dung sau:

- 1. Tên dự án:** Cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 29 đoạn qua địa phận tỉnh Đắk Lắk;
- 2. Chủ đầu tư:** Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk;
- 3. Tổ chức Tư vấn lập dự án:** Liên danh Công ty TNHH tư vấn xây dựng Việt Khôi và Công ty cổ phần tư vấn xây dựng Đắk Lắk;
- 4. Chủ nhiệm lập Dự án:** Kỹ sư Nguyễn Hữu Quý;
- 5. Mục tiêu đầu tư xây dựng:**

Nhằm đáp ứng nhu cầu giao thông, từng bước hoàn chỉnh mạng lưới giao thông, tạo điều kiện phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng cho hai tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên nói riêng và cho toàn khu vực Tây Nguyên nói chung;

Góp phần hình thành và hoàn chỉnh mạng lưới giao thông đường bộ khu vực, tạo điều kiện phát triển vùng tam giác phát triển Việt Nam – Lào – Campuchia.

6. Nội dung đầu tư dự án:

6.1. Địa điểm xây dựng:

Các huyện M'Đrăk, Ea Kar, Krông Năng, Krông Buk và thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.

6.2. Phạm vi dự án:

- Điểm đầu: Km109+790 (ranh giới Đắk Lắk - Phú Yên).
- Điểm cuối: Km178+062 (ngã ba giao với Quốc lộ 14 tại thị xã Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk).
- Tổng chiều dài tuyến là 68,272 km.

6.3. Phương án tuyến:

Bám theo tuyến cũ, chỉ cải tạo một số đoạn tuyến có đường cong với bán kính nhỏ, vị trí 02 cầu xây dựng mới đảm bảo $R \geq 60m$.

6.4. Quy mô và tiêu chuẩn kỹ thuật:

6.4.1. Đoạn Km109+790 - Km166+444 (từ ranh giới Đắk Lắk - Phú Yên đến đầu đường trung tâm huyện Krông Năng):

- Cấp đường: Tiêu chuẩn đường cấp IV miền núi (TCVN 4054 – 2005).
- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 40Km/h$.
- Mặt cắt ngang đường: nền đường rộng 7,5m, mặt đường rộng 5,5 m, lề đường rộng 1,0m $\times$ 2 bên.
- Mặt đường cấp cao A1, $E_{yc} \geq 130Mpa$, tải trọng trục xe tính toán 100kN.

- Hệ thống thoát nước: Vĩnh cửu, tải trọng HL93.

6.4.2. Đoạn Km166+444 - Km168+398 (qua trung tâm thị trấn Krông Năng, huyện Krông Năng):

Giữ nguyên hiện trạng đường cũ, mặt cắt ngang đường: nền đường rộng 30,0m, mặt đường rộng 16,0m, vỉa hè 7,0m × 2 bên.

6.4.3. Đoạn Km168+398-: -Km175+962 (từ cuối đường trung tâm thị trấn Krông Năng đến hết cầu RôSy):

- Cấp đường: Tiêu chuẩn đường cấp III miền núi (TCVN 4054 – 2005).

- Vận tốc thiết kế: $V_{tk} = 60\text{Km/h}$.

- Mặt cắt ngang đường: nền đường rộng 16,0m, mặt đường rộng 14,0m, lề đường rộng 1,0m × 2 bên.

- Mặt đường cấp cao A1, $E_{yc} \geq 147\text{Mpa}$, tải trọng trục xe tính toán 100kN.

- Hệ thống thoát nước: Vĩnh cửu, tải trọng HL93.

6.4.4. Đoạn Km175+962 - Km178+062 (từ cuối cầu RôSy đến cuối tuyến):

- Loại đường: Đường phố chính đô thị (TCXDVN 104:2007)

- Cấp kỹ thuật: Cấp 60 ($V_{tk} = 60\text{Km/h}$).

- Mặt cắt ngang đường: nền đường rộng 26,0m; mặt đường rộng 14m; vỉa hè rộng 6,0m × 2 bên.

- Mặt đường cấp cao A1, $E_{yc} \geq 155\text{Mpa}$, tải trọng trục xe tính toán 100kN.

- Hệ thống thoát nước: Vĩnh cửu, tải trọng HL93.

- Xây dựng đồng bộ hệ thống vỉa hè, cây xanh, điện chiếu sáng.

6.4.5. Cống ngang và rãnh thoát nước:

6.4.5.1. Đoạn ngoài đô thị:

- Cống ngang: Nội dài các cống cũ còn tốt, thay thế các cống cũ không đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và thiết kế mới bổ sung một số cống mới. Kết cấu cống bằng BTCT, tải trọng HL93.

- Rãnh dọc:

+ Những đoạn có độ dốc dọc $I_d \geq 4\%$ và những đoạn có địa chất yếu, có nước ngầm: thiết kế gia cố rãnh hở bằng bê tông.

+ Những đoạn còn lại thiết kế rãnh hở đào trần bằng rãnh đất.

6.4.5.2. Đoạn trong đô thị:

Cống ngang bằng BTCT tải trọng HL93. Hệ thống cống dọc thu nước mưa bằng ống cống BTCT đặt dọc 2 bên tuyến và dưới hè đường (gồm: Giếng thu, giếng thăm, cửa xả), tải trọng 0,50HL93 và HL93. Cống ngang kỹ thuật bằng cống hộp 120*120 cm, có hố thăm 2 đầu, tải trọng HL93.

6.4.6. Cầu trên tuyến:



- Tiêu chuẩn thiết kế cầu: 22TCN-272-05;
- Quy mô: Bằng BTCT và BTCT DƯỠ;
- Tải trọng thiết kế: HL93;
- Tần suất thiết kế: $p=1\%$;
- Khổ cầu: Thiết kế phù hợp với nền đường;

Trên tuyến trong phạm vi dự án có 2 cầu xây dựng mới cụ thể như sau:

6.4.6.1. Cầu Krông Năng, lý trình Km161+884,26:

- Kết cấu phần trên: Dầm giản đơn 2 nhịp, mỗi nhịp dài: $L_d=25,70$ m bằng BTCT DƯỠ, tiết diện chữ I kéo sau, gồm 4 dầm chủ, 4 hệ dầm ngang.

- Kết cấu phần dưới: Mố cầu dạng mố chữ U tường mỏng BTCT, trụ cầu dạng trụ đặc thân hẹp bằng BTCT, móng mố và trụ là móng nông đặt trên nền đá rắn chắc.

6.4.6.2. Cầu Rôsy, lý trình Km175+508,40:

- Kết cấu phần trên: Dầm giản đơn 04 nhịp, dầm SUPER T kéo sau, chiều dài mỗi dầm $L_d=38,20$ m lắp ghép; gồm 7 dầm chủ, 02 dầm ngang ở đầu dầm.

- Kết cấu phần dưới: Mố cầu dạng mố chữ U tường mỏng BTCT, trụ cầu dạng trụ đặc thân hẹp bằng BTCT, móng mố và trụ cầu đặt trên hệ cọc khoan nhồi đường kính 1,00m.

6.4.6.3. Cầu hiện trạng khác trên tuyến:

Tận dụng toàn bộ các cầu còn lại, không xây dựng mới.

6.4.7. Vĩa hè, cây xanh:

Trên đoạn Km175+962--Km178+062 (trong đô thị) xây dựng vĩa hè hoàn chỉnh bằng gạch Terrazo 40*40*3 cm. Bó vĩa bằng bê tông. Trên vĩa hè bố trí các bồn trồng cây xanh.

6.4.8. Điện chiếu sáng:

Trên đoạn Km175+962--Km178+062 (trong đô thị) xây dựng hệ thống điện chiếu sáng dọc hai bên tuyến.

6.4.9. Nút giao, đường giao:

Các nút giao trên tuyến thiết kế dạng nút giao cùng mức, bố trí đầy đủ các thiết bị an toàn giao thông như biển báo hiệu, vạch sơn, ... Đối với nút giao đường dân sinh cần vượt nổi đảm bảo êm thuận và an toàn giao thông.

6.4.10. Gia cố mái taluy:

Gia cố mái taluy âm bằng BTXM đổ tại chỗ các đoạn có chiều cao lớn.

6.4.11. Hệ thống an toàn giao thông:

Xây dựng đồng bộ hệ thống an toàn giao thông phù hợp với Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN41:2012/BGTVT.

7. Diện tích sử dụng đất:

Diện tích đất chiếm dụng khoảng 205,251 ha.

8. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: Công trình giao thông.
- Cấp công trình: Cấp III (theo Nghị định 15/2013/NĐ-CP).

9. Thiết bị, công nghệ: Sử dụng công nghệ và thiết bị thi công cầu đường thông thường.

10. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư:

Phương án GPMB được thực hiện theo các quy định hiện hành của nhà nước và các quy định hiện hành về công tác thu hồi đất của địa phương.

11. Tổng mức đầu tư tạm tính:

Tổng mức đầu tư dự kiến là: **814.857.875.000** đồng (*Tám trăm mười bốn tỷ, tám trăm năm mươi bảy triệu, tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	567.970.124.000	đồng
- Chi phí đền bù, GPMB	24.563.916.000	đồng
- Chi phí rà phá bom mìn	8.016.000.000	đồng
- Chi phí QLDA	6.334.768.000	đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư	18.295.349.000	đồng
- Chi phí khác	13.061.161.000	đồng
- Chi phí dự phòng	176.616.557.000	đồng

Tổng mức đầu tư nêu trên sẽ được chuẩn xác lại khi bố trí được vốn và phê duyệt dự án đầu tư.

12. Nguồn vốn đầu tư: Dự kiến nguồn vốn ngân sách nhà nước và các nguồn vốn hợp pháp khác và sẽ được quyết định chính thức khi phê duyệt dự án.

13. Phân kỳ đầu tư: Dự kiến chia làm 2 giai đoạn.

- *Giai đoạn 1:*

Đầu tư cải tạo, nâng cấp hoàn chỉnh đoạn từ Km109+790 - Km133+969 do đường cũ đã hư hỏng nặng.

Tổng mức đầu tư giai đoạn 1: **208.825.614.000** đồng.

- *Giai đoạn 2:*

Cải tạo, nâng cấp phần còn lại.

Tổng mức đầu tư giai đoạn 2 : **606.032.261.000** đồng.

14. Các nội dung khác:

- Do nguồn vốn khó khăn nên Bộ GTVT chỉ đầu tư thống nhất toàn tuyến với quy mô đường cấp IV_{miền núi} (mặt đường rộng 5,50m, nền đường rộng 7,50m).

Phần mở rộng quy mô các đoạn qua Đô thị đề nghị tỉnh Đắk Lắk huy động các nguồn vốn hợp pháp của địa phương để đầu tư.

- Các nội dung khác chấp thuận như hồ sơ thiết kế cơ sở trình duyệt.

- Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk chỉ đạo đơn vị Tư vấn hoàn thiện hồ sơ theo Báo cáo thẩm định để làm cơ sở triển khai các bước tiếp theo.

- Sau khi xác định nguồn vốn, khả năng cân đối vốn, Sở GTVT tỉnh Đắk Lắk hoàn chỉnh các thủ tục để phê duyệt dự án đầu tư theo quy định hiện hành.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Chủ đầu tư: Sở giao thông vận tải Đắk Lắk
2. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án;
3. Thiết kế: Thiết kế 2 bước (thiết kế cơ sở, thiết kế bản vẽ thi công); giao cho Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk tổ chức thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình.
4. Phương thức thực hiện: Tổ chức lựa chọn nhà thầu theo quy định hiện hành.
5. Phương án giải phóng mặt bằng, tái định cư: Thực hiện theo các quy định hiện hành của Nhà nước và các quy định hiện hành về thu hồi đất của địa phương.
6. Thời gian thực hiện: Dự kiến từ năm 2013 - 2018.

Điều 3. Lãnh đạo các đơn vị: Vụ Kế hoạch đầu tư, Vụ Tài chính, Cục Quản lý xây dựng và chất lượng công trình giao thông, Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Sở Giao thông vận tải tỉnh Đắk Lắk và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./. *A*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Tài chính;
- Kho bạc Nhà nước;
- UBND tỉnh Đắk Lắk;
- Lưu: VT, Vụ KHĐT.

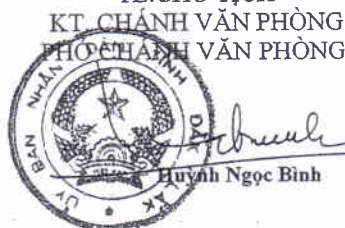


UBND TỈNH ĐẮK LẮK
Số: 137/SY-QĐ

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND tỉnh;
- Các sở: GT&VT, XD, KH&ĐT, TC, TN&MT;
- UBND các huyện: M'Đrăk, EaKar, Krông Năng, TX Buôn Hồ, Krông Búk;
- Lãnh đạo VP;
- Lưu: VT, CN (Toàn-24b)

SAO Y BẢN CHÍNH
Đắk Lắk, ngày 18 tháng 6 năm 2013
TL. CHỦ TỊCH



UBND HUYỆN KRÔNG NĂNG
Số: 10 /SL

Nơi nhận:

- CT, PCT UBND huyện;
- Phòng KHTT, DAXD;
- UBND các xã: Ea Hồ, Thị trấn, Tam Giang;
- Lãnh đạo VP;
- Chuyên viên VP.
- Lưu HS (18 bộ).

SAO LỤC
Krông Năng, ngày 03 tháng 07 năm 2013
TL. CHỦ TỊCH

